

Địa giới huyện Chư Pah: Đông giáp huyện Mang Yang; Tây và Bắc giáp tỉnh Kon Tum; Nam giáp huyện Ia Grai, thị xã Pleiku và huyện Mang Yang.

2. Huyện Ia Grai có 115.720,5 ha diện tích tự nhiên và 50.431 nhân khẩu, bao gồm 9 xã: Ia Sao, Ia Hrun, Ia Krai, Ia Grai, Ia Kênh, Ia O, Ia Dêr, Ia Chia, Ia Pêch và thị trấn Chư Pah (của huyện Chư Pah cũ).

Địa giới huyện Ia Grai: Đông giáp thị xã Pleiku; Tây giáp tỉnh Kon Tum và biên giới Việt Nam - Campuchia; Nam giáp huyện Đức Cơ, Chư Prông và thị xã Pleiku; Bắc giáp huyện Chư Pah.

Sau khi điều chỉnh địa giới:

- Huyện Mang Yang còn lại 23 xã, thị trấn; có diện tích tự nhiên 208.601 ha và 88.242 nhân khẩu.

- Thị xã Pleiku còn lại 14 xã, phường; có diện tích tự nhiên 22.568,5 ha và 159.987 nhân khẩu.

III. Thành lập thị trấn và đổi tên xã, thị trấn thuộc huyện Ia Grai và huyện Chư Pah:

1. Thành lập thị trấn Phú Hòa, thị trấn huyện lỵ thuộc huyện Chư Pah (mới) trên cơ sở 2.600 ha diện tích tự nhiên và 3.079 nhân khẩu của xã Nghĩa Hòa.

Địa giới thị trấn Phú Hòa: Đông giáp xã Nghĩa Hưng; Tây giáp xã Nghĩa Hòa; Nam giáp xã Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa và xã Ia Sao; Bắc giáp xã Hòa Phú.

Xã Nghĩa Hòa còn lại 2.300 ha diện tích tự nhiên và 2.710 nhân khẩu.

2. Đổi tên thị trấn Chư Pah thuộc huyện Ia Grai thành thị trấn Ia Kha.

3. Đổi tên xã Ia Grai thuộc huyện Ia Grai thành xã Ia Tô.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 782-TTg ngày 24-10-1996 về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu - triển khai khoa học và công nghệ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 324-CT ngày 11-9-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc tổ chức lại mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Sắp xếp các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Viện) của Nhà nước hiện có như sau:

1. Trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ lĩnh vực an ninh, quốc phòng) có 41 Viện.

2. Trực thuộc các Tổng công ty Nhà nước có Viện.

Danh sách các Viện trên được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Các Viện còn lại chưa đưa vào danh sách trên sẽ được tiếp tục xem xét sắp xếp theo các hình thức sau:

- Các Viện trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng công ty Nhà nước;

- Hoạt động theo cơ chế tự trang trải kinh phí;
- Chuyển thành doanh nghiệp độc lập hoặc thành bộ phận của doanh nghiệp;

- Sáp nhập, giải thể.

Điều 2.-

- Đối với các Viện trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại

mục 1, Điều 1 của Quyết định này, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu phát triển, Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí hoạt động và tập trung đầu tư phát triển.

- Đối với các Viện trực thuộc Tổng công ty Nhà nước quy định ở mục 2, Điều 1 của Quyết định này, Bộ chủ quản và Tổng công ty có trách nhiệm quản lý và giao nhiệm vụ để hoạt động của Viện gắn với hoạt động của Tổng công ty. Nhà nước tiếp tục hỗ trợ quỹ lương và chi phí hoạt động bộ máy trong thời gian không quá 5 năm.

- Đối với các Viện đang được Nhà nước cấp kinh phí nhưng không thuộc các danh sách trên, Nhà nước tiếp tục hỗ trợ quỹ lương trong thời gian không quá 5 năm.

Về mặt hành chính, các Viện trực thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các Viện trực thuộc Tổng công ty Nhà nước được đối xử bình đẳng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3.- Thủ tướng Chính phủ giao cho các ngành liên quan thực hiện các công việc sau đây:

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ ra thông tư hướng dẫn về cơ chế hoạt động và các mối quan hệ của các Viện Khoa học và Công nghệ trực thuộc các Tổng công ty Nhà nước.

2. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính soạn thảo chính sách lao động trong các cơ quan khoa học và công nghệ, tạo điều kiện cho các cơ quan khoa học và công nghệ trẻ hóa và đổi mới cán bộ phù hợp với đặc thù của hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính soạn thảo chính sách tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ quan khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên của Nhà nước; chính sách trích nguồn vốn của các công trình xây dựng cơ bản, các công trình kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ của công trình.

4. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo các chính sách về thuế, cho vay vốn đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ.

5. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính soạn thảo các chính sách, biện pháp hỗ trợ trong thời gian chuyển tiếp đối với các cơ quan khoa học và công nghệ hưởng lương từ ngân sách Nhà nước nay chuyển sang hình thức hoạt động khác.

Các chính sách, biện pháp trên đây cần được soạn thảo và ban hành trong tháng 12 năm 1996.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1997.

Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

VÕ VĂN KIẾT

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN NGHIÊN CỨU -
TRIỂN KHAI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRỰC THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG
BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ,
TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số 782-TTg
ngày 24-10-1996).

1. BỘ CÔNG NGHIỆP

1. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp,
2. Viện Nghiên cứu cơ khí,
3. Viện Nghiên cứu địa chất và khoáng sản,
4. Viện Nghiên cứu mỏ và luyện kim,
5. Viện Nghiên cứu điện tử - tin học - tự động hóa,
6. Viện Công nghiệp thực phẩm.

2. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Trung tâm Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (trên cơ sở: Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Cây lương thực, Viện Kinh tế nông nghiệp),

2. Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam,

3. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long,

4. Viện Chăn nuôi và Thú y (trên cơ sở: Viện Chăn nuôi và Viện Thú y),

5. Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam,

6. Viện Khoa học thủy lợi,

7. Viện Khoa học thủy lợi miền Nam,

8. Viện Cơ điện nông nghiệp,

9. Trung tâm Cây ăn quả Long Định.

3. BỘ THỦY SẢN

1. Viện Nghiên cứu thủy sản,

2. Viện Nghiên cứu hải sản.

4. BỘ XÂY DỰNG

1. Viện Khoa học - công nghệ xây dựng,

2. Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn,

3. Viện Kinh tế xây dựng,

4. Viện Nghiên cứu kiến trúc.

5. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Viện Khoa học - công nghệ giao thông vận tải,

2. Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải.

6. BỘ Y TẾ

Bộ Y tế làm việc với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xác định danh sách và phương án tổ chức lại các cơ quan nghiên cứu - triển khai khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong quý IV năm 1996.

7. BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Viện Nghiên cứu chiến lược phát triển,

2. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

8. BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Viện Nghiên cứu chiến lược và chính sách khoa học và công nghệ,

2. Viện Nghiên cứu năng lượng nguyên tử Việt Nam.

9. BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật.

10. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục,

2. Viện Nghiên cứu khoa học giáo dục.

11. BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Viện Nghiên cứu lao động và chính sách xã hội

12. BỘ TÀI CHÍNH

Viện Nghiên cứu tài chính.

13. BỘ TƯ PHÁP

Viện Nghiên cứu pháp lý.

14. BỘ NGOẠI GIAO

Học viện Quan hệ quốc tế.

15. BỘ THƯƠNG MẠI

Viện Nghiên cứu thương mại.

16. BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ

Viện Nghiên cứu tổ chức nhà nước.

17. TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Viện Nghiên cứu thống kê.

18. TỔNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Viện Nghiên cứu khí tượng thủy văn.

19. TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Viện Nghiên cứu địa chính.

20. TỔNG CỤC DU LỊCH

Viện Nghiên cứu phát triển du lịch.

21. TỔNG CỤC HẢI QUAN

Viện Nghiên cứu khoa học hải quan.

22. DANH SÁCH CÁC VIỆN TRỰC THUỘC TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1. Viện Hóa học công nghiệp (thuộc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam).

2. Viện Năng lượng (thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam).

3. Viện Dầu khí (thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam).

4. Viện Khoa học Kỹ thuật bưu điện (thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam).

5. Viện Khoa học hàng không (thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam).

6. Viện Công nghệ sau thu hoạch (thuộc Tổng công ty Lương thực Trung ương I).

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 790-TTg ngày 26-10-1996 về việc tăng cường quản lý thu ngân sách, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng thuế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu năm 1996.

So với những năm trước, công tác thu ngân sách Nhà nước 9 tháng đầu năm 1996 đã có nhiều tiến bộ nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời của Chính phủ, sự cố gắng, nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện kế hoạch thu còn chậm, thu 9 tháng mới đạt 62,3% kế hoạch năm, nhiều khoản thu lớn đạt thấp như: thu từ khu vực kinh tế quốc doanh đạt 59,9%, thu thuế khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh đạt 55,3%, thuế xuất nhập khẩu đạt 58,5% và đặc biệt thu tiền giao quyền sử dụng đất mới đạt 25,9% kế hoạch năm;

tình trạng trốn lậu, nợ đọng, chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước vẫn còn lớn và phổ biến.

Để tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách Nhà nước, giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng, chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu năm 1996, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn các đơn vị tổ chức sắp xếp và định hướng sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất trong những tháng cuối năm 1996, nhất là đối với những sản phẩm quan trọng tạo nguồn thu lớn cho ngân sách.

2. Các cấp, các ngành chỉ đạo các đơn vị, các doanh nghiệp trực thuộc, chấp hành nghiêm Luật Thuế, nộp đúng và đầy đủ các khoản thuế và các khoản phải thu khác cho ngân sách Nhà nước; không được tùy tiện giữ lại các khoản thu, không điều chỉnh các khoản phải nộp khi chưa được phép của Chính phủ; nghiêm chỉnh thực hiện chế độ kế toán thống kê, thực hành chế độ tiết kiệm trong chi tiêu để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng tích lũy nộp ngân sách Nhà nước.

3. Tổng cục Hải quan chủ trì phối hợp với các ngành thực hiện đúng Chỉ thị số 575-TTg ngày 24-8-1996 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời kịp thời trình xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ khi có những phát sinh mới trong quá trình thực hiện Chỉ thị trên để đôn đốc và xử lý dứt điểm nợ đọng thuế xuất nhập khẩu trong năm 1996.

4. Đối với các khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước:

Bộ Tài chính tổ chức việc theo dõi chặt chẽ số thuế nợ đọng của từng doanh nghiệp, phân loại từng khoản nợ để xử lý theo hướng sau:

a) Các khoản nợ được phép luân chuyển theo Luật, ngành thuế phải tổ chức theo dõi để đôn đốc nộp sát số phát sinh của các doanh nghiệp, thu kịp thời vào ngân sách theo Luật, không để tình trạng chuyển từ nợ luân chuyển theo Luật thành nợ đọng;

b) Các khoản nợ thuế không có khả năng thu hồi do các đơn vị sáp nhập, giải thể, do kinh doanh thua lỗ kéo dài không có khả năng nộp thuế, cần thống kê phân tích rõ từng trường hợp để khoan nợ hoặc xóa nợ theo quy định;

c) Các khoản nợ thuế khó đòi do đơn vị sản xuất kinh doanh thua lỗ, thiếu vốn, sản phẩm